

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được công bố mới, bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý Nhà nước của Sở Giao thông vận tải Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 311/TTr-SGTVT ngày 24/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 34 thủ tục hành chính mới thuộc phạm vi, chức năng quản lý Nhà nước của Sở Giao thông vận tải Sơn La, trong đó: 28 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao

thông vận tải; 06 thủ tục hành chính lĩnh vực giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(Có Phụ lục I kèm theo)

Điều 2. Bãi bỏ 36 thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý Nhà nước của Sở Giao thông vận tải tại số thứ tự 4, 32, 33, mục I, phần A, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải; số thứ tự 11, mục I, phần A, phụ lục I kèm theo Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải; số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 32, mục I, phần A, Phụ lục I kèm theo Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 26/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được công bố mới, bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý Nhà nước của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sơn La và số thứ tự 1, 2, 3, phần A, Phụ lục kèm theo Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(Có Phụ lục II kèm theo)

Điều 3. Giao Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Quyết định này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Hương (03b).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI SƠN LA
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
A	CẤP TỈNH (34 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH)					
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ (34 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH)					
I.1	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI (28 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH)					
1	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Nộp trực tiếp - Qua hệ thống bưu chính - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: http://qlvt.mt.gov.vn.	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ
2	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Nộp trực tiếp - Qua hệ thống bưu chính - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: http://qlvt.mt.gov.vn.	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ
3	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Nộp trực tiếp - Qua hệ thống bưu chính - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: http://qlvt.mt.gov.vn.	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
4	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: http://qlvt.mt.gov.vn .	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ
5	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ
6	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ
7	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
8	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ
9	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ
10	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ
11	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Nộp trực tiếp; - Nộp qua hệ thống bưu chính; - Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://vns.w.gov.vn	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
12	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Nộp trực tiếp; - Qua hệ thống bưu chính; - Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://vnsw.gov.vn	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ
13	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Nộp trực tiếp - Qua hệ thống bưu chính; - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: http://qlvt.mt.gov.vn .	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ
14	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Nộp trực tiếp; - Qua hệ thống bưu chính; - Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://vnsw.gov.vn	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ
15	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Nộp trực tiếp; - Qua hệ thống bưu chính; - Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://vnsw.gov.vn	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
16	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải liên vận giữa Việt Nam và Lào	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Nộp trực tiếp; - Qua hệ thống bưu chính; - Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://vnsw.gov.vn	Không	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ
17	Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe
18	Chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô	- Trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe mô tô để sát hạch lái xe: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị. - Trường hợp cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của cơ sở đào tạo có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
19	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	- Thời hạn Cơ sở đào tạo gửi đề nghị đến Sở Giao thông vận tải: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn. - Thời hạn Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, đánh giá: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định. - Thời hạn cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Cá nhân nộp: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ sở đào tạo lái xe; - Cơ sở đào tạo lái xe nộp: trực tiếp, dịch vụ bưu chính, văn bản điện tử.	Không	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe
20	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe
21	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	Trường hợp nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra thực tế, lập biên bản và cấp giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
22	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	- Thời hạn tổ chức kiểm tra thực tế: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; - Thời hạn cấp lại Giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe
23	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, văn bản điện tử	Không	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe
24	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe
25	Cấp Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, văn bản điện tử	Không	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
26	Cấp Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 3	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe
27	Cấp lại Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe	- Trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị. - Trường hợp cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của trung tâm sát hạch lái xe: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, văn bản điện tử	Không	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe
28	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	- Cấp Giấy phép đào tạo: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - Cấp Giấy phép xe tập lái: 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
II.2	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (06 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH)					
29	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ
30	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/3/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa; - Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.
31	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
32	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/3/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa; - Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
33	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
34	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/3/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa; - Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.

Phụ lục II**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BẮI BỎ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI SƠN LA***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)*

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI		
1	1.000703.000.00.00.H52	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	Sở Giao thông vận tải
2	2.002286.000.00.00.H52	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng	Sở Giao thông vận tải
3	2.002287.000.00.00.H52	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	Sở Giao thông vận tải
4	2.002285.000.00.00.H52	Đăng ký khai thác tuyến	Sở Giao thông vận tải
5	1.010707.000.00.00.H52	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	Sở Giao thông vận tải
6	1.002046.000.00.00.H52	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	Sở Giao thông vận tải
7	1.002286.000.00.00.H52	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	Sở Giao thông vận tải

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
8	1.001737.000.00.00.H52	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	Sở Giao thông vận tải
9	1.002063.000.00.00.H52	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	Sở Giao thông vận tải
10	1.001577.000.00.00.H52	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	Sở Giao thông vận tải
11	1.002877.000.00.00.H52	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Sở Giao thông vận tải
12	1.002869.000.00.00.H52	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Sở Giao thông vận tải
13	1.001023.000.00.00.H52	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	Sở Giao thông vận tải
14	1.010711.000.00.00.H52	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	Sở Giao thông vận tải
15	2.002288.000.00.00.H52	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	Sở Giao thông vận tải
16	2.002289.000.00.00.H52	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	Sở Giao thông vận tải

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
17	1.002268.000.00.00.H52	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Sở Giao thông vận tải
18	1.010709.000.00.00.H52	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Sở Giao thông vận tải
19	1.002861.000.00.00.H52	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	Sở Giao thông vận tải
20	1.002859.000.00.00.H52	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	Sở Giao thông vận tải
21	1.003465.000.00.00.H52	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Sở Giao thông vận tải
22	1.003466.000.00.00.H52	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Sở Giao thông vận tải
23	1.010710.000.00.00.H52	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia	Sở Giao thông vận tải
24	1.001765.000.00.00.H52	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Sở Giao thông vận tải
25	1.001546.000.00.00.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Sở Giao thông vận tải
26	1.001735.000.00.00.H52	Cấp lại Giấy phép xe tập lái	Sở Giao thông vận tải
27	1.001623.000.00.00.H52	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	Sở Giao thông vận tải
28	1.001716.000.00.00.H52	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	Sở Giao thông vận tải

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
29	1.001784.000.00.00.H52	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2	Sở Giao thông vận tải
30	1.001744.000.00.00.H52	Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động	Sở Giao thông vận tải
31	1.004987.000.00.00.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động	Sở Giao thông vận tải
32	1.001458.000.00.00.H52	Cấp mới Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động	Sở Giao thông vận tải
33	1.001459.000.00.00.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động	Sở Giao thông vận tải
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
34	2.002615.000.00.00.H52	Cấp giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
35	2.002616.000.00.00.H52	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
36	2.002617.000.00.00.H52	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm do bị mất, bị hỏng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn